

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2024

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Đỗ Thị Ái Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 308/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2023, về việc *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 01/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Ninh Văn Th, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

(Chị L và anh Th đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương năm 2002. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Anh Th thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhân phẩm danh dự và đánh đập chị, có lần đánh chị gãy tay phải nhập viện. Chị đã về nhà bố mẹ để ở nhờ, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế với anh Th từ tháng 4/2023 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Th, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Th.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Th có hai con chung là Ninh Văn Q, sinh tháng 01/2004 đã trưởng thành, tự lập và Ninh Thị Q1, sinh ngày 30/5/2006, cháu Q1 đang ở cùng anh Th. Sau ly hôn, do chị không có chỗ ở, điều kiện khó khăn nên chị tự nguyện để anh Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q1.

Về quan hệ tài sản: Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Ngày 26/12/2023, chị đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

* Theo Biên bản lấy lời khai anh Th trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh Th xác định sau khi kết hôn được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L hay đi chơi vài ngày mới về, không quan tâm chăm sóc chồng con. Chị L có quan hệ với nhiều người đàn ông khác nhưng những người đó là ai, ở đâu thì anh không rõ. Sau lần cãi cọ xích mích, chị L đã bỏ về nhà ngoại sinh sống từ tháng 4/2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng vì thế mà ngày càng lạnh nhạt. Anh không đồng ý ly hôn chị L nhưng anh xác định nếu chị L muốn về đoàn tụ thì phải có đại diện chính quyền thôn, xã và gia đình chị L hòa giải và chị L phải cam kết toàn tâm toàn ý lo cho gia đình, không được đi chơi nữa thì anh mới đồng ý cho chị L quay về.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Ninh Văn Q, sinh tháng 01/2004 đã trưởng thành, tự lập và Ninh Thị Q1, sinh ngày 30/5/2006, cháu Q1 đang ở cùng anh. Nếu ly hôn, anh xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q1 và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Th; chị tự nguyện để anh Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q1, anh Th không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Anh Th đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát

ngiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Th. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân & gia đình: Giao cho anh Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ninh Thị Q1, sinh ngày 30/5/2006 đến khi cháu Q1 trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh Th về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Nguyễn Thị L xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Ninh Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Ninh Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim thành, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị L và anh Th là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Anh Th thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị L, thậm chí còn có lần đánh gãy tay chị, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ nhiều tháng nay. Bản thân anh Th cũng xác định đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, chị L đã bỏ về nhà ngoại sinh sống từ tháng 4/2023 đến nay, tình cảm vợ chồng vì thế mà ngày càng lạnh nhạt.

Qua lời khai của cháu Ninh Thị Q1, là con anh Th chị L: Bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn, bố mẹ thường bất hòa, bố cháu hay đánh đập mẹ cháu, cuộc sống gia đình cháu không ngày nào được yên ấm, hạnh phúc. Cháu và anh Q cháu cũng đã nhiều lần động viên bố, khuyên bố không đánh chửi mẹ nữa nhưng

không có kết quả. Sau ngày mẹ bị bố đánh gãy tay, mẹ cháu đã về ngoại sinh sống và nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu, cháu là con không muốn bố mẹ phải ly hôn nhưng nếu bố không thay đổi, thường xuyên hành hạ mẹ thì cháu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật, cho mẹ cháu được ly hôn với bố cháu để mẹ cháu ổn định cuộc sống, không phải chịu khổ nữa. Cháu cũng đã đưa các tài liệu, giấy báo của Tòa án cho bố cháu nhưng bố cháu có bảo tùy mẹ muốn ly hôn thì tự đi làm, bố không đến Tòa án làm việc.

Qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng L Th có mâu thuẫn, đánh cãi nhau, làm ồn ào ảnh hưởng đến trật tự thôn xóm. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để thời gian đã lâu.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Th biết việc chị L xin ly hôn anh nhưng anh không đến Tòa án theo giấy báo để động viên chị L đoàn tụ; anh còn đặt ra điều kiện không thể thực hiện rằng nếu chị L muốn về đoàn tụ thì phải có đại diện chính quyền thôn, xã và gia đình chị L hòa giải và chị L phải cam kết toàn tâm toàn ý lo cho gia đình, không được đi chơi nữa thì anh mới đồng ý cho chị L quay về. Như vậy, chứng tỏ anh không còn thương yêu, tình cảm với chị L, anh thường xuyên gây bạo lực gia đình với chị L, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị L và anh Th có hai con chung là Ninh Văn Q, sinh năm 2004 đã trưởng thành, tự lập và Ninh Thị Q1, sinh ngày 30/5/2006, cháu Q1 đang ở cùng anh Th. Sau ly hôn, anh Th xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q1; chị L tự thấy bản thân không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện để anh Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q1; cháu Q1 cũng có lời khai xin được ở cùng anh Th. Xét hoàn cảnh thực tế của anh Th, chị L, nguyện vọng chính đáng của cháu Q1, cần thiết giao cho anh Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q1 là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Th không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

Sau này các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân

& gia đình và không thuộc trường hợp được miễn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Ninh Văn Th.

3/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Ninh Thị Q1, sinh ngày 30/5/2006 cho anh Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Q1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2022/000 1766 ngày 26 tháng 10 năm 2023.

6/ Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung